

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TỔNG HỢP HẢI TÚ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TỔNG HỢP HẢI TÚ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAI TU GENERAL SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110475045

**3. Ngày thành lập:** 13/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 18 ngõ 251/96, Tổ 6, Thị Trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0357301827

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                            | 4610     |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                   | 4641     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                     | 4649     |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                    | 4651     |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(không bao gồm thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện)                                                       | 4652     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                 | 4653     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                        | 4659     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                   | 8299     |
| 9.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi<br>Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa thiết bị điện tử như: Máy vi tính, thiết bị ngoại vi,...                                       | 9511     |
| 10. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                             | 9512     |
| 11. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                           | 9521     |
| 12. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                    | 9522     |
| 13. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                  | 6201     |
| 14. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                    | 6202     |
| 15. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng các sản phẩm điện tử, tin học, máy văn phòng; | 6209     |

|     |                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                | 6619        |
| 17. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn pháp luật, chứng khoán)                                                                                                               | 7020        |
| 18. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                | 7410        |
| 19. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                             | 4690        |
| 20. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                       | 4711        |
| 21. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                            | 4719        |
| 22. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                       | 1391(Chính) |
| 23. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                        | 1392        |
| 24. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                      | 1393        |
| 25. | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                                                             | 1394        |
| 26. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                        | 1399        |
| 27. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                | 1410        |
| 28. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                              | 1420        |
| 29. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                          | 1430        |
| 30. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                            | 2640        |
| 31. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                     | 2750        |
| 32. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                   | 2790        |
| 33. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                      | 4782        |
| 34. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                            | 4783        |
| 35. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                           | 4784        |
| 36. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                            | 4791        |
| 37. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                       | 4799        |
| 38. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                    | 3312        |
| 39. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                        | 3314        |
| 40. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                        | 3319        |
| 41. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn<br>thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4741        |
| 42. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                     | 4742        |
| 43. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất<br>tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được<br>phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 44. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các<br>cửa hàng chuyên doanh                                                                                           | 4771        |
| 45. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)                                                                   | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025204011353

Ngày cấp: 08/05/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: *Khu 8, Xã Xuân Thủy, Huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu 8, Xã Xuân Thủy, Huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 30/07/2004      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025204011353

Ngày cấp: 08/05/2021      Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: *Khu 8, Xã Xuân Thủy, Huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu 8, Xã Xuân Thủy, Huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội